**CHỦ ĐỀ 6. HÓA TRỊ - LẬP CÔNG THỨC HÓA HỌC THEO HÓA TRỊ**

**A. LÝ THUYẾT**

**- Hóa trị là con số biểu thị khả năng liên kết của nguyên tử nguyên tố này với nguyên tử nguyên tố khác.**

- Quy ước: **H hóa trị I, O hóa trị II.**

- Lấy hóa trị của H làm đơn vị, ghi H (I).

**- Quy tắc hóa trị:** Trong công thức hóa học, tích của chỉ số và hóa trị của nguyên tố này bằng tích của hóa trị và chỉ số của nguyên tố kia.

- Tổng quát: Hợp chất có dạng: , với:

+ A, B là nguyên tố hoặc nhóm nguyên tử.

+ a, b lần lượt là hóa trị của A, B.

+ x, y là chỉ số nguyên tử hoặc nhóm nguyên tử.

- Theo quy tắc hóa trị: x.a = y.b

Suy ra:

+ Biết x, y và a thì tính được 

+ Biết x, y và b thì tính được 

**❖ Dạng 1: Tìm hoá trị của nguyên tố khi biết công thức hóa học**

- Khi biết hoá trị của một nguyên tố (hay nhóm nguyên tử), dựa vào quy tắc hoá trị ta có thể xác định hoá trị của nguyên tố kia.

VD: Trong hợp chất  (với a, b là hóa trị của A, B)

Theo quy tắc hoá trị ta có: x.a = y.b (với x, y, b đã biết)a = 

- Nếu hợp chất có nhiều nguyên tố trong đó có oxi thì tổng hóa trị của các nguyên tử oxi bằng tổng hóa trị của các nguyên tử còn lại.

VD: Trong hợp chất  với a, b là hóa trị

Theo quy tắc hoá trị ta có: x.a + y.b = z.2

**Ví dụ 1**: Tính hóa trị của Fe trong hợp chất FeCl3 biết Chlorine hóa trị I.

**A.** I. **B.** II. **C.** III. **D.** IV.

**Hướng dẫn giải**

Gọi a là hóa trị của Fe trong hợp chất FeCl3, ta có: 1.a = 3.1

Suy ra a = 3.

Vậy hóa trị của Fe trong hợp chất là III.

Chọn C

**Ví dụ 2**: Cho công thức hóa học H3PO4. Hóa trị của nhóm (PO4) là bao nhiêu?

A. IV. B. III. C. II. D. V.

**Hướng dẫn giải**

H có hóa trị I, gọi hóa trị của nhóm (PO4) là b.

Theo quy tắc hóa trị, ta có:

3.1 = b.1 suy ra b = 3.

Vậy hóa trị của nhóm (PO4) là III.

Chọn B

**❖ Dạng 2: Lập công thức hoá học của hợp chất khi biết các hoá trị của chúng**

- Viết công thức dưới dạng  (B có thể là nhóm nguyên tử)

- Theo quy tắc hoá trị ta có: x.a = y.b ⇒ =  =  (tỉ số tối giản)

Vậy x = b’ và y = a’

- Viết đúng công thức cần lập.

**Cách lập nhanh công thức hóa học:**

**VD: **

****

**→ Chỉ số chân của nguyên tố này là hóa trị của nguyên tố kia.**

**Ví dụ 3:** Lập CTHH của hợp chất tạo bởi:

a. Silicon (hóa trị IV) và oxygen

b. Nhôm (Aluminium) (hóa trị III) và nhóm OH (hóa trị I)

c. Calcium (hóa trị II) và sulfur (hóa trị II)

d. Sắt (Iron) (hóa trị III) và chlorine (hóa trị I)

**Hướng dẫn giải**

**a.** Gọi công thức của hợp chất là 

- Theo quy tắc hoá trị ta có: x.IV = y.II → 

- Chọn x = 1; y = 2 → Công thức hóa học của hợp chất là **SiO2**

**b.** Gọi công thức của hợp chất là ***(chú ý: đối với các nhóm nguyên tố như (OH), (SO4), (CO3)… thì khi đặt công thức ta cần đóng ngoặc)***

- Theo quy tắc hoá trị ta có: x.III = y.I → 

- Chọn x = 1; y = 3 → Công thức hóa học của hợp chất là **Al(OH)3**

**c.** Gọi công thức của hợp chất là ******

- Theo quy tắc hoá trị ta có: x.II = y.II → 

- Chọn x = 1; y = 1 → Công thức hóa học của hợp chất là **CaS**

**d.** Gọi công thức của hợp chất là ******

- Theo quy tắc hoá trị ta có: x.III = y.I → 

- Chọn x = 1; y = 3 → Công thức hóa học của hợp chất là **FeCl3**

**B. BÀI TẬP**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**: Tính hóa trị của C trong hợp chất CO2, biết oxi hóa trị II.

A. I. B. II. C. III. D. IV.

**Câu 2**: Dãy nào sau đây gồm các nguyên tố có hóa trị I trong hợp chất

A. H, Na, K. B. Mg, O, H. C. O, Cu, Na. D. O, K, Na.

**Câu 3**: Chọn đáp án đúng:

Trong công thức hóa học, (1) của chỉ số và (2) nguyên tố này bằng (3) của chỉ số và hóa trị của nguyên tố kia.

A. (1) tổng, (2) hóa trị, (3) tích. B. (1) tích, (2) hóa trị, (3) tổng.

C. (1) tổng, (2) hóa trị, (3) tổng. D. (1) tích, (2) hóa trị, (3) tích.

**Câu 4**: Nguyên tử Fe có hóa trị II trong công thức nào?

A. FeO. B. Fe2O3. C. Fe. D. FeCl3.

**Câu 5**: Chọn câu sai:

A. Hóa trị là con số biểu thị khả năng liên kết của nguyên tử nguyên tố này với nguyên tử nguyên tố kia.

B. Hóa trị của một nguyên tố được xác định theo hóa trị của H chọn làm đơn vị và hóa trị của oxi là 2 đơn vị.

C. Quy tắc hóa trị: x.a = y.b.

D. Photpho chỉ có hóa trị IV.

**Câu 6**: Có các hợp chất: PH3, P2O3, trong đó P có hóa trị là

A. II. B. III. C. IV. D. V.

**Câu 7**: Chọn phát biểu sai:

(1) Theo quy ước, H hóa trị II.

(2) Trong hợp chất H2S thì hóa trị của S là II.

(3) Nguyên tố Na trong hợp chất NaCl có hóa trị I (biết Cl hóa trị I).

A. (1), (2). B. (2), (3). C. (1). D. (1), (3).

**Câu 8**: Nguyên tố nào có hóa trị II trong các chất sau:

A. Oxygen. B. Sodium (Natri). C. Potassium (Kali). D. Hydrogen (Hidro).

**Câu 9:** Biết nhóm hydroxide (OH) có hóa trị I, công thức hóa học nào sau đây là sai

A. NaOH. B. CaOH. C. KOH. D. Fe(OH)3.

**Câu 10**: Biết trong công thức hóa học K2SO4 thì K có hóa trị I. Hãy xác định hóa trị của nhóm (SO4).

A. I. B. II. C. III. D. IV.

**Câu 11.** Cho hình mô phỏng phân tử ammonia

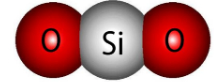
Ảnh có chứa vòng tròn, ảnh chụp màn hình

Mô tả được tạo tự động

Hóa trị của nguyên tố nitrogen trong phân tử ammonia là

A. I. B. II. C. III. D. IV.

**Câu 12.** Cho hình mô phỏng phân tử silicon đioxide



Hóa trị của nguyên tố silicom trong phân tử silicon đioxide là

A. I. B. II. C. III. D. IV.

**Câu 13.** Công thức hóa học của iron (III) oxide là Fe2O3. Nhận định nào sau đây là sai?

A. Iron (III) oxide do hai nguyên tố Fe, O tạo ra.

B. Trong một phân tử iron (III) oxide có hai nguyên tử Fe, ba nguyên tử O.

C. Khối lượng phân tử iron (III) oxide là 160 amu.

D. Trong phân tử iron (III) oxide tỉ lệ số nguyên tử Fe : O là 3 : 2.

**Câu 14.** Một hợp chất có công thức NxOy, trong đó N chiếm 30,43%. Khối lượng phân tử hợp chất là 46 amu. Công thức hóa học của hợp chất là

A. N2O. B. NO2. C. N2O3. D. N2O5.

**Câu 15.** Soda là hóa chất được dùng rộng rãi trong các ngành công nghiệp thủy tinh, đồ gốm, xã phòng, phẩm nhuộm. Xác định công thức hóa học của soda biết soda có cấu tạo từ Na hóa trị I và nhóm CO3 hóa trị II?

A. NaCO3. B. Na(CO3)2. C. Na2CO3. D. Na2(CO3)3.

**Câu 16.** Hóa trị của các nguyên tố sau: O, Na, Al trong hợp chất lần lượt là:

A. I, II, III B. III, II, I

C. II, I, III D. II, III, I

**Câu 17.** Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Trong hợp chất tạo bởi C và H, hoá trị của nguyên tố C luôn bằng IV vì một nguyên tử C luôn liên kết với 4 nguyên tử H.

B. Trong chất cộng hoá trị, nguyên tố H luôn có hoá trị bằng I.

C. Trong hợp chất, nguyên tố O luôn có hoá trị bằng II.

D. Trong hợp chất, nguyên tố N luôn có hoá trị bằng II.

**Câu 18.** Muối ăn (sodium chloride) được tạo nên từ 2 nguyên tố hóa học là Na (Sodium) và Cl (Chlorine). Biết Na hóa trị I, Cl: hóa trị I. Vậy công thức hóa học của muối ăn là:

A. NaCl B. Na2Cl C. Na2Cl2 D. NCl

**Câu 19.** Nguyên tố X có hoá trị III, công thức của muối sunfat là:

A. XSO4 B. X(SO4)3 C. X2(SO4)3 D. X3SO4

**Câu 20.** Biết N có hoá trị IV, hãy chọn công thức hoá học phù hợp với qui tắc hoá trị trong đó có các công thức sau:

A. NO B. N2O C. N2O3 D. NO2

**PHẦN 2. TỰ LUẬN**

**Bài 1.**

**a.** Tính hóa trị của Na trong hợp chất Na2O

**b.** Tính hoá trị của Fe trong hợp chất Fe2(SO4)3 biết nhóm (SO4) (II).

**c.** Tính hoá trị của nhóm (CO3) trong hợp chất CaCO3 biết Ca (II).

**d.** Tính hóa trị của P trong hợp chất H3PO4

**e.** Tính hóa trị của S trong hợp chất H2SO3

**Lời giải:**

**a.** Hợp chất 

Theo quy tắc hoá trị ta có: 2.a = 1.II ⇒

Vậy Na trong hợp chất Na2O có hoá trị I.

**b.** Hợp chất 

Theo quy tắc hoá trị ta có: 2.a = 3.II ⇒

Vậy Fe trong hợp chất Fe2(SO4)3 có hoá trị III.

**c.** Hợp chất 

Theo quy tắc hoá trị ta có: 1.II = 1.b ⇒ 

Vậy nhóm (CO3) trong hợp chất CaCO3 có hoá trị II.

**d.** Hợp chất 

Theo quy tắc hoá trị ta có: 3.I + 1.a = 4.II ⇒ 

Vậy P trong hợp chất H3PO4 có hoá trị V.

**e.** Hợp chất 

Theo quy tắc hoá trị ta có: 2.I + 1.a = 3.II ⇒ 

Vậy S trong hợp chất H2SO3 có hoá trị IV.

**Bài 2.** Lập công thức của hợp chất tạo bởi:

**a.** S (IV) và O (II).

**b.** Al (III) và nhóm (SO4) (II).

**c.** Ca (II) và nhóm (CO3) (II)

**Lời giải:**

**a.** Đặt công thức của hợp chất là: 

Theo quy tắc hoá trị ta có: x.IV = y.II ⇒ ⇒ x = 1; y = 2

Vậy CTHH của hợp chất là SO2.

**b.** Đặt công thức của hợp chất là: 

Theo quy tắc hoá trị ta có: x.III = y.II ⇒ x = 2; y = 3

Vậy CTHH của hợp chất là: Al2(SO4)3.

**c.** Đặt công thức của hợp chất là: 

Theo quy tắc hoá trị ta có: x.II = y.II ⇒ ⇒ x = 1; y = 1

Vậy CTHH của hợp chất là: CaCO3

**Bài 3.** Cho các công thức hóa học sau:NaSO4, H2SO4,Ca2O, MgCl3, H2PO4, Al2O3. Cho biết Na(I), Cl(I), Ca(II), Mg(II), nhóm (SO4)(II), Al(III) và nhóm (PO4)(III). Hãy chỉ ra công thức hóa học viết sai và sửa lại cho đúng.

**Lời giải:**

Công thức hóa học viết sai: NaSO4, Ca2O, MgCl3, H2PO4

Sửa lại: Na2SO4, CaO, MgCl2, H3PO4

**Bài 4.** Hợp chất của nguyên tố X và O có công thức X2O3, hợp chất của nguyên tố H và Y có công thức là H2Y.

a. Tính hóa trị của X, Y.

b. Lập công thức hóa học giữa hai nguyên tố X và Y.

**Lời giải:**

a. Hợp chất  ⇒ 2.x = 3.II ⇒ 

Hợp chất  ⇒ 2.I = 1.y ⇒ y = II

b. Đặt công thức của hợp chất là: 

Theo quy tắc hoá trị ta có: a.III = b.II ⇒⇒ a = 2; b = 3

Vậy CTHH của hợp chất là: X2Y3.

**Bài 5.** Hợp chất A tạo bởi R có hóa trị (III) và nguyên tố oxi, biết phân tử khối của A nặng gấp 3,4375 lần phân tử oxi.

**a.** R là nguyên tố nào.

**b.** Viết công thức hóa học của A.

**Lời giải:**

**a.** Đặt công thức của hợp chất là R2O3.

Phân tử khối của O2: 16.2 = 32 đvC

Phân tử khối của hợp chất R2O3 =

3,4375. O2 = 3,4375. 32 = 110 đvC ⇒ 2R + 16.3 = 110 ⇒ R = 31

Vậy R là phosphorus (P).

**b.** Công thức hóa học của hợp chất là P2O3.

**Bài 6.** Hợp chất A tạo bởi R có hóa trị (II) và nhóm NO3(I), biết phân tử khối của A nặng hơn phân tử K2O là 54 đvC.

**a.** R là nguyên tố nào.

**b.** Viết công thức hóa học của A.

**Lời giải:**

**a.** Đặt công thức của hợp chất là R(NO3)2.

Phân tử khối của K2O: 39.2+16 = 94 đvC

Phân tử khối của hợp chất

R(NO3)2 = K2O + 54 = 94 + 54 = 148 đvC ⇒ R + (14+16.3).2 = 148 ⇒ R = 24

Vậy R là magie (Mg).

**b.** Công thức hóa học của hợp chất là Mg(NO3)2.

**Bài 7:**

a. Tính hóa trị của nguyên tố N trong hợp chất N2O5

b. Tính hóa trị của nguyên tố *S* trong hợp chất SO2

c. Tính hóa trị của nguyên tố Fe trong hợp chất Fe2O3

d. Tính hóa trị của nguyên tố C trong hợp chất CO

e. Tính hóa trị của nguyên tố *S* trong hợp chất SO3

**Bài 8:** Tính hóa trị của nhóm (PO4) trong:

a. Hợp chất Ca3(PO4)2, biết nguyên tố Ca(II)

b. Hợp chất AlPO4, biết nguyên tố Al (III)

**Bài 9:** Xác định nhanh hóa trị của mỗi nguyên tố hoặc nhóm nguyên tử trong các hợp chất sau đây: NH3; HCl; H2SO4; H3PO4; Ba(OH)2.

**Bài 10:** Nguyên tố Fe tạo ra 2 hợp chất có cùng hóa trị là Fe2O3 và Fe2(SO4)3. Xác định hóa trị của nhóm SO4.

**Bài 11:** Trong hợp chất N2O5 thì N có hóa trị cao nhất của oxide

a. Tính hóa trị của N trong hợp chất N2O5

b. Xác định hóa trị cao nhất của N trong hợp chất của N với H.

**Bài 12:** Tính hóa trị của mỗi nguyên tố Al, *S*, C, N trong các hợp chất sau:

a. Al2O3 b. SO3 c. CH4 d. NH3

**Bài 13:** Tính hóa trị của các nguyên tố hoặc nhóm nguyên tử.

a. Copper trong hợp chất Cu2O

b. Nitrogen trong các hợp chất NO, NO2, N2O5

c. Iron trong các hợp chất FeO, Fe2O3

d. Nhóm SO4 trong hợp chất Fe2(SO4)3. Biết trong đó iron có hóa trị III

**Bài 14:** Xác định nhanh hóa trị của các nguyên tố, nhóm nguyên tử trong các hợp chất sau: HBr, H2S, CH4, PH3, H2SO3, SiH4, KOH, Ca(OH)2, Fe(OH)3.

**Bài 15:** Tính hóa trị của Fe, Al trong các hợp chất: FeO, Fe2O3, FeSO4, Al2(SO4)3. Biết hóa trị của các nhóm: SO4 (II), Cl (I), NO3 (I).

**Bài 16:** X, Y là các nguyên tố chỉ có 1 hóa trị trong các hợp chất sau

a. X2O3 và X2Y3

b. X2O và XY

c. XH4 và XY2

d. X(OH)3 và XY3

Xác định hóa trị của X, Y và đề nghị các chất thỏa mãn trong mỗi ý.

**Bài 18:** Xác định hóa trị của *R* trong các hợp chất sau

a. Oxide cao nhất của *R* có công thức RO2, trong hợp chất của *R* với H thì *R* có hóa trị cao nhất bằng bao nhiêu?

b. Trong hợp chất của *R* với H thì *R* có hóa trị cao nhất là III. Hóa trị cao nhất của *R* trong hợp chất oxide (hợp chất của *R* với O) là bao nhiêu?

**Bài 19.** Lập công thức hóa học và tính khối lượng phân tử của các chất trong các trường hợp sau:

a.Al và O. b. Mg và O c. Al và OH

**Bài 20.** Trong khí thải nhà máy (hình bên) có các oxide của carbon và sulfur (cùng hoá trị).

a) Hãy xác định công thức hoá học của các hợp chất này và tính khối lượng phân tử của chúng.

b) Trong phân tử của các hợp chất trên có chứa loại liên kết hoá học gì?

**Bài 21:** Bạn Bình viết công thức hóa học của các đơn chất, hợp chất sau: K2, Ca, SO2, K2O, Al3O2, O, Ca2Cl, (OH)3Fe, MgNO, K(OH), P5O2, H. Hãy cho biết CTHH nào viết sai, chưa đúng cách? Viết lại các công thức đã viết sai

**Bài 22:** Trong những CTHH sau, công thức nào viết sai hãy sửa lại cho đúng: FeSO4, HO, NaOH, CaOH, Al2O3, Fe2O, H2O, HgO, HgCl, BaCO3, NaO, K2NO3, Ca2(PO4)3, MgSO3. Giải thích?